

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN NGŨ

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| Thứ tự | Họ và tên              | Chức vụ                             | Nhiệm vụ              | Chữ ký |
|--------|------------------------|-------------------------------------|-----------------------|--------|
| 1      | Nguyễn Thị Hồng Phượng | Hiệu trưởng<br>Bí thư Chi bộ        | Chủ tịch hội đồng     |        |
| 2      | Nguyễn Thị Dung        | Phó Hiệu trưởng                     | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 3      | Trịnh Huỳnh Tài        | Phó Hiệu trưởng                     | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 4      | Lê Hải Yến             | Giáo viên khối 5                    | Thư ký hội đồng       |        |
| 5      | Nguyễn Phạm Quốc Hùng  | Chủ tịch công đoàn                  | Ủy viên hội đồng      |        |
| 6      | Trần Vũ Qui            | Bí thư chi đoàn<br>Tổ trưởng Bộ môn | Ủy viên hội đồng      |        |
| 7      | Lý Thị Ngọc Giàu       | Tổ trưởng chuyên môn khối 1         | Ủy viên hội đồng      |        |
| 8      | Nguyễn Thị Kim Thảo    | Tổ trưởng chuyên môn khối 2         | Ủy viên hội đồng      |        |
| 9      | Hoàng Thị Hường        | Tổ trưởng chuyên môn khối 3         | Ủy viên hội đồng      |        |
| 10     | Bùi Thị Thanh Nhã      | Tổ trưởng chuyên môn khối 4         | Ủy viên hội đồng      |        |
| 11     | Chu Thị Thu Hằng       | Tổ trưởng chuyên môn khối 5         | Ủy viên hội đồng      |        |
| 12     | Lâm Xuân Uyên          | Tổ trưởng chuyên môn tổ tiếng Anh   | Ủy viên hội đồng      |        |
| 13     | Huỳnh Kim Loan         | Tổ trưởng tổ văn phòng              | Ủy viên hội đồng      |        |
| 14     | Lê Minh Thời           | Tổng phụ trách Đội                  | Ủy viên hội đồng      |        |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                    | Trang |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                     | 1     |
| Tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                                | 3     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                | 5     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                 | 10    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                        | 10    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                       | 14    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                          | 14    |
| Mở đầu                                                                                      | 14    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                    | 15    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác                                          | 17    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 19    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng            | 21    |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học                                                   | 24    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                      | 26    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên                                        | 28    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục                                                | 30    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở                                               | 32    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh, trật tự trường học                                          | 33    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>                                                             | 36    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh</b>                         | 36    |
| Mở đầu                                                                                      | 36    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                                          | 37    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên                                                             | 39    |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên                                                             | 42    |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh                                                              | 43    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>                                                             | 45    |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                     | 46    |
| Mở đầu                                                                                      | 46    |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, bãi tập                                                 | 46    |

|                                                                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Tiêu chí 3.2: Phòng học                                                                                      | 48 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng học phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị                             | 50 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước                                                           | 52 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị                                                                                       | 54 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện                                                                                       | 55 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>                                                                              | 57 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                             | 58 |
| Mở đầu                                                                                                       | 58 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh                                                                   | 59 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 61 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>                                                                              | 63 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>                                                  | 63 |
| Mở đầu                                                                                                       | 64 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường                                                               | 64 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học                                         | 66 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác                                                          | 68 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục                                                                      | 70 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục                                                                               | 72 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>                                                                              | 73 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                              | 74 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                      |    |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                      | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                      |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.2         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.3         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.4         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.5         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.6         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.7         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.8         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.9         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.10        |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.2         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 2.3         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.4         |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.2         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.3         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.4         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.5         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.6         |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>  |           |       |       |       |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                      | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                      |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chí 4.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 4.2         |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.2         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.3         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.4         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.5         |           | x     | x     | x     |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 1.

## Phần I

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ**

Tên trước đây: Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn

|                                |             |                              |                                                                           |
|--------------------------------|-------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Thành phố                      | Hồ Chí Minh | Họ và tên hiệu trưởng        | Cao Minh Hải Bằng                                                         |
| Huyện                          | Hóc Môn     | Điện thoại                   | 028.37126585                                                              |
| Xã                             | Bà Điểm     | Fax                          | Không                                                                     |
| Đạt chuẩn quốc gia             | X           | Website                      | <a href="http://thbuivanngu.hcm.edu.vn">http://thbuivanngu.hcm.edu.vn</a> |
| Năm thành lập                  | 1994        | Số điểm trường               | 01                                                                        |
| Công lập                       | X           | Loại hình khác               | Không                                                                     |
| Tư thục                        | Không       | Thuộc vùng khó khăn          | Không                                                                     |
| Trường chuyên biệt             | Không       | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không                                                                     |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không       |                              |                                                                           |

#### 1. Số lớp học

| Số lớp      | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2021-2023 | Năm học 2023-2023 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 1  | 18                | 12                | 14                | 12                | 10                |
| Khối lớp 2  | 08                | 17                | 12                | 12                | 12                |
| Khối lớp 3  | 06                | 08                | 17                | 11                | 12                |
| Khối lớp 4  | 10                | 06                | 08                | 16                | 11                |
| Khối lớp 5  | 10                | 10                | 06                | 8                 | 16                |
| <b>Cộng</b> | <b>52</b>         | <b>53</b>         | <b>57</b>         | <b>59</b>         | <b>61</b>         |

#### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| <b>TT</b>  | <b>Số liệu</b>                                                  | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Năm học<br/>2021-2023</b> | <b>Năm học<br/>2023-2023</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | Phòng học,<br>phòng học<br>bộ môn và<br>khởi phục vụ<br>học tập | <b>71</b>                    | <b>73</b>                    | <b>73</b>                    | <b>73</b>                    | <b>73</b>                    |                    |
| 1          | Phòng học                                                       | <b>55</b>                    | <b>57</b>                    | <b>57</b>                    | <b>59</b>                    | <b>61</b>                    |                    |
| a          | Phòng kiên<br>cố                                                | 55                           | 57                           | 57                           | 59                           | 61                           |                    |
| b          | Phòng bán<br>kiên cố                                            | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           |                    |
| c          | Phòng tạm                                                       |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| 2          | Phòng học<br>bộ môn                                             | <b>12</b>                    | <b>12</b>                    | <b>12</b>                    | <b>10</b>                    | <b>8</b>                     |                    |
| a          | Phòng kiên<br>cố                                                | 12                           | 12                           | 12                           | 10                           | 8                            |                    |
| b          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| c          | Phòng tạm                                                       |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| <b>3</b>   | <b>Khởi phục<br/>vụ học tập</b>                                 | <b>04</b>                    | <b>04</b>                    | <b>04</b>                    | <b>04</b>                    | <b>04</b>                    |                    |
| a          | Phòng kiên<br>cố                                                | 04                           | 04                           | 04                           | 04                           | 04                           |                    |
| b          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| c          | Phòng tạm                                                       |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| <b>II</b>  | Khởi phòng<br>hành chính -<br>quản trị                          | <b>06</b>                    | <b>06</b>                    | <b>06</b>                    | <b>06</b>                    | <b>06</b>                    |                    |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                                                | 06                           | 06                           | 06                           | 06                           | 06                           |                    |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| 3          | Phòng tạm                                                       |                              |                              |                              |                              |                              |                    |
| <b>III</b> | Thư viện                                                        | <b>01</b>                    | <b>01</b>                    | <b>01</b>                    | <b>01</b>                    | <b>01</b>                    |                    |

| TT | Số liệu                                            | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2021-2023 | Năm học<br>2023-2023 | Ghi<br>chú |
|----|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| IV | Các công<br>trình, khối<br>phòng chức<br>năng khác | 07                   | 07                   | 07                   | 07                   | 07                   |            |
|    | <b>Cộng</b>                                        | <b>85</b>            | <b>87</b>            | <b>87</b>            | <b>87</b>            | <b>87</b>            |            |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 5 năm 2023

|                 | Tổng<br>số | Nữ        | Dân<br>tộc | Trình độ đào tạo  |              |               | Ghi chú |
|-----------------|------------|-----------|------------|-------------------|--------------|---------------|---------|
|                 |            |           |            | Chưa đạt<br>chuẩn | Đạt<br>chuẩn | Trên<br>chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01         | 01        | 00         | 00                | 00           | 01            |         |
| Phó hiệu trưởng | 02         | 02        | 00         | 00                | 02           | 00            |         |
| Giáo viên       | 86         | 76        | 01         | 06                | 80           | 00            |         |
| Nhân viên       | 4          | 4         | 01         | 00                | 04           | 00            |         |
| <b>Cộng</b>     | <b>93</b>  | <b>83</b> | <b>05</b>  | <b>06</b>         | <b>86</b>    | <b>01</b>     |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu                                                   | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2021-2023 | Năm học<br>2023-2023 |
|----|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                                         | 70                   | 74                   | 78                   | 78                   | 86                   |
| 2  | Tỷ lệ giáo<br>viên/lớp                                    | 1,35                 | 1,40                 | 1,37                 | 1,37                 | 1,41                 |
| 3  | Tỷ lệ giáo<br>viên/học sinh                               | 0,025                | 0,027                | 0,028                | 0,028                | 0,028                |
| 4  | Tổng số giáo viên<br>dạy giỏi cấp huyện<br>và tương đương | 00                   | 06                   | 00                   | 00                   | 11                   |
| 5  | Tổng số giáo viên<br>dạy giỏi cấp tỉnh<br>trở lên         | 00                   | 00                   | 00                   | 03                   | 00                   |
| 6  | Các số liệu khác                                          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |

#### 4. Học sinh

##### a) Số liệu chung

| TT | Số liệu                                 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2021-2023 | Năm học<br>2023-2023 |
|----|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | <b>Tổng số học sinh</b>                 | 2754                 | 2720                 | 2782                 | 2990                 | 3054                 |
|    | - Nữ                                    | 1336                 | 1287                 | 1324                 | 1357                 | 1456                 |
|    | - Dân tộc                               | 48                   | 54                   | 54                   | 54                   | 54                   |
|    | - Khối lớp 1                            | 905                  | 595                  | 627                  | 572                  | 509                  |
|    | - Khối lớp 2                            | 448                  | 869                  | 584                  | 590                  | 577                  |
|    | - Khối lớp 3                            | 301                  | 437                  | 851                  | 568                  | 587                  |
|    | - Khối lớp 4                            | 548                  | 292                  | 437                  | 815                  | 568                  |
|    | - Khối lớp 5                            | 552                  | 527                  | 283                  | 445                  | 813                  |
| 2  | Tổng số tuyển mới                       | 905                  | 594                  | 664                  | 572                  | 509                  |
| 3  | Học buổi/ngày <sup>2</sup>              | 2754                 | 2720                 | 2782                 | 2990                 | 3054                 |
| 4  | Bán trú                                 | 2647                 | 2618                 | 2707                 | 2820                 | 2925                 |
| 5  | Nội trú                                 | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 6  | Bình quân số học sinh/lớp học           | 52,96                | 51,32                | 48,81                | 50,67                | 50,06                |
| 7  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 2706/2754<br>98,25%  | 2674/2720<br>98,83%  | 2741/2782<br>98,53%  | 2983/2990<br>99,76%  | 2741/2782<br>99,93%  |
|    | - Nữ                                    | 1275/1287            | 1275/1287            | 1284/1287            | 1357/1357            | 1456/3054            |
|    | - Dân tộc                               | 48                   | 54                   | 54                   | 54                   | 54                   |
| 8  | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh    | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 09                   |
| 9  | Tổng số học sinh giỏi quốc gia          | 00                   | 00                   | 00                   | 03                   | 04                   |

| TT | Số liệu                                     | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2021-2023 | Năm học<br>2023-2023 |
|----|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 19                   | 08                   | 03                   | 00                   | 01                   |
|    | - Nữ                                        | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
|    | - Dân tộc                                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt      | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| 12 | Khuyết tật                                  | 15                   | 16                   | 17                   | 18                   | 18                   |
| 13 | Lưu ban                                     | 05                   | 03                   | 01                   | 07                   | 02                   |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

| Số liệu                                                           | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2022-<br>2023 | Năm học<br>2021-<br>2023 | Năm học<br>2023-<br>2023 | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100%                     | 100%                     | 100%                     | 100%                     | 100%                     |         |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học                    | 99,96%                   | 99,96%                   | 99,57%                   | 99,76%                   | 99,93%                   |         |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học           | 99,82%                   | 99,62%                   | 96,11%                   | 99,62%                   | 100%                     |         |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học         | 100%                     | 100%                     | 100%                     | 100%                     | 100%                     |         |

**5. Các số liệu khác (nếu có):** Không có

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 1/21, đường Bà Điểm 4, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường được tách ra từ Trường Phổ thông cơ sở Phan Công Hớn từ năm học 1993-1994 nhưng vẫn sử dụng chung cơ sở vật chất của Trường Trung học cơ sở Phan Công Hớn. Đến đầu năm 2004, Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ dời về cơ sở mới trên diện tích khuôn viên trường 21777 m<sup>2</sup>, được chia thành 04 khu vực: A, B, C, D gồm 30 phòng học, 14 phòng chức năng. Ngoài ra còn có khu vực nhà bếp, khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh do Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ kinh phí xây dựng theo chương trình “Xây dựng 1000 phòng học”.

Trường được Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1996-2000 theo Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 560/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 4 năm 2015.

Sau 27 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục nhà trường đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. Mỗi cá nhân xác định được trách nhiệm, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập thể đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.

Với nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, trong 18 năm gần đây, trường mở loại hình lớp học 2 buổi/ngày đến nay (từ năm học 2013-2014) trường đạt 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Nhà trường đưa chương trình giảng dạy tiếng

Anh tăng cường vào giảng dạy đã được 12 năm. Nhà trường thực hiện đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giáo viên tích cực tham gia giảng dạy giáo án điện tử.

Trường được khởi công xây dựng thêm khu mới vào tháng 6 năm 2017 và đưa vào sử dụng từ tháng 8 năm 2018. Khu xây mới có 22 phòng học, 01 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng nhạc, 01 phòng nghệ thuật, 03 phòng nghỉ giáo viên, 03 phòng vi tính, 03 phòng học lab.

Năm học 2022-2023, trường có 57 lớp với tổng số học sinh 2782. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 126 người. Công tác phát triển đội ngũ được nhà trường đặc biệt quan tâm: 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn; 97,40% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Chi bộ được thành lập năm 2006, hiện có 28 đảng viên. Liên tục nhiều năm liền Chi bộ luôn đạt chi bộ trong sạch vững mạnh.

Từ năm học 1993-1994 đến năm học 2022-2023, trường liên tục được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng thưởng danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc. Năm 2011 trường nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Năm học 2016-2017, trường nhận được Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mục tiêu** của nhà trường là hoàn thành nhiệm vụ năm học, góp phần cùng địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.

**Sứ mạng** của nhà trường là thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học, tạo uy tín với Nhân dân xã Bà Điểm về chất lượng giáo dục.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Trường Tiểu học Bùi Văn Ngũ tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 24/QĐ-BVN ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá của trường gồm 14 thành viên.

Hội đồng Tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ trong 16 tuần như sau:

Tuần 1 (02/01/2023 - 05/01/2023):

- Trường họp Hội đồng tư vấn để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá.

- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá.

- Họp Hội đồng Tự đánh giá để:

- + Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá;

- + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;

- + Dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.

- Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan.

Tuần 2 (07/01/2023 - 12/01/2023):

- Tổ chức hội nghị về nghiệp vụ tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan.

- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.

- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

Tuần 3, 4, 5 (14/01/2023 - 26/01/2023):

- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

- Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.

- Lập bảng Danh mục mã minh chứng.

- Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4 (4 bước).

Tuần 6, 7 (11/02/2023 - 23/02/2023):

- Các nhóm chuyên trách, cá nhân tiếp tục viết các Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4.

Tuần 8, 9 (25/02/2023 - 04/3/2023):

- Hội đồng Tự đánh giá đề:

- + Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá;

- + Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4 với Hội đồng Tự đánh giá;

- + Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4, chú trọng đến kế hoạch cải tiến chất lượng;

- + Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung;

- Dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Tuần 10 (11/3/2023 - 16/3/2023):

- Hội đồng Tự đánh giá đề:

- + Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan;

+ Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Tuần 11, 12 (01/3/2023 - 30/03/2023):

- Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung;
- Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường;
- Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá;
- Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp;
- Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tuần 13, 14 (01/04/2023 - 13/04/2023):

- Các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá kí tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; Hiệu trưởng kí tên, đóng dấu và ban hành;
- Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp;
- Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường;
- Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định.

Tuần 15, 16 (15/4/2020 - 23/4/2023):

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.
- Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc đăng kí đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Cơ cấu tổ chức và quản lý của trường đúng theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các tổ chức đoàn thể trong trường gồm Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng. Các tổ chức này hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình trong các hoạt động.

Năm học 2022-2023, trường có 61 lớp với 3054 học sinh, tất cả 59 lớp được học 02 buổi/ngày. Mỗi lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm. Trường có các giáo viên dạy bộ môn như thể dục, tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh đề án.

Sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp là 50.06 học sinh/lớp. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nền nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 có sự thảo luận đóng góp của tập thể giáo viên, nhân viên. Mục tiêu của trường hướng đến việc xây dựng chất lượng, uy tín trong giảng dạy, giáo dục và hội nhập; chú trọng phát triển đức, trí, thể, mỹ cho học sinh và giữ gìn bản

sắc văn hóa dân tộc. Chiến lược được xây dựng theo mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục và trên cơ sở nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nội dung chiến lược phát triển nhà trường được niêm yết công khai tại nhà trường và trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Trường đã đề ra biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-03].

Mức 3:

Trường có thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để từ đó có cơ sở thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường nhằm phù hợp với tình hình thực tế, theo định hướng phát triển chung của ngành và của địa phương. Tuy nhiên, công tác này chưa được thực hiện thường xuyên [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường xây dựng có sự thảo luận đóng góp của tập thể giáo viên, nhân viên trường; dựa vào tình hình thực tế của trường theo từng giai đoạn. Chiến lược này phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; được sự phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn và đã được công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch định kỳ thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chiến lược phát triển trên cơ sở tham mưu, đề xuất với hội đồng trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

## **Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 77/QĐ-GDDT ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn với 11 thành viên, số lượng và thành phần cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-01].

- Hội đồng thi đua khen thưởng của trường được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học với thành phần quy định tại Điều 12 Điều lệ Trường tiểu học. Hội đồng thi đua khen thưởng hoạt động có hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động của nhà trường trong các phong trào chuyên môn như giáo viên giỏi, phong trào thi đua yêu nước,... và các hội thi của học sinh [H1-1.2-02].

- Hội đồng tư vấn do hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổng phụ trách Đội và các tổ trưởng chuyên môn. Hội đồng tư vấn còn thành viên thụ động, chưa mạnh dạn trong việc đưa ra ý kiến đóng góp trong cuộc họp [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học. Các hoạt động, kế hoạch, chủ trương của trường đều được các thành viên trong hội đồng thảo luận và thông qua, thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với tất cả hoạt động của trường. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tham mưu, đề

xuất, giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 12, Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của Hội đồng trường được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học. Định kỳ, hội đồng tổ chức họp để đánh giá kết quả lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ của trường; đồng thời, triển khai chỉ đạo, lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ sắp tới. Đa số các thành viên đều tham gia đóng góp ý kiến giúp cho Hội đồng trường đưa ra được những quyết nghị chỉ đạo sát sao việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường [H1-1.2-04].

Mức 2:

- Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác của trường được bảo đảm, góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.1-02].

- Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận và thông qua công khai, minh bạch [H1-1.2-04].

## **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định. Trong những năm học qua, các hội đồng này hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Vẫn còn vài thành viên Hội đồng tư vấn chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong cuộc họp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng hướng dẫn các thành viên phát biểu, tạo không khí dân chủ, vui vẻ trong cuộc họp, khuyến khích các thành viên mạnh dạn phát biểu ý kiến.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường có đầy đủ các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-06].

b) Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng [H1-1.3-07]. Chi bộ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; đồng thời, thực hiện công tác chỉ đạo, định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương [H1-1.3-07].

Các tổ chức đoàn thể thực hiện việc sinh hoạt, hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ; tham gia cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại nhà trường [1.1.4-14]. Các tổ chức đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động,

phong trào nhằm thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia [1.1.4-14]. Tuy nhiên, vẫn còn một số hoạt động chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên dẫn đến kết quả thực hiện còn hạn chế.

c) Hằng năm, chi bộ trường có tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; đồng thời, triển khai các nội dung, nhiệm vụ trong năm tới trên cơ sở các hướng dẫn của tổ chức cấp trên và tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai các nội dung, nhiệm vụ mới của các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của tổ chức đoàn thể cấp trên [H1-1.3-08].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ được thành lập từ năm 2004 [H1-1.3-01]. Số đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ là 30 đồng chí, chiếm tỷ lệ 29,33% trên tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế [H1-1.1-04].

Từ năm 2022, Chi bộ Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ luôn được Đảng ủy xã Bà Điểm huyện Hóc Môn đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.3-09].

b) Công đoàn cơ sở của trường có 89 công đoàn viên tham gia sinh hoạt. Ban Chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 05 đồng chí theo Quyết định của Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-02].

Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ... [H1-1.3-10].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 29 đoàn viên tham gia sinh hoạt [H1-1.3-03]. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 1571 đội viên [H1-1.3-04]; Sao Nhi đồng có 1211 em [H1-1.3-05].

Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường cũng đã có nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh tham gia như: ngày Hội nuôi heo đất, An toàn giao thông,... [H1-1.3-11].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ không những đã hoàn thành tốt nhiệm vụ 2022[H1-1.3-09].

b) Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn cơ sở luôn đạt danh hiệu Công đoàn Vững mạnh, Chi đoàn Vững mạnh và Liên đội luôn đạt danh hiệu Xuất sắc, tuy nhiên tổ chức Đội đôi khi còn thiếu chủ động trong các hoạt động chung của nhà trường [H1-1.3-12].

## **2. Điểm mạnh**

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể khác có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

## **3. Điểm yếu**

Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ do có 01 đảng viên bị kỷ luật mức khiển trách nguyên nhân do vi phạm chính sách dân số (sinh con thứ Ba) Tổ chức Đội đôi khi còn thiếu chủ động trong các hoạt động chung của nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, Chi bộ nhà trường sẽ quan tâm, chỉ đạo cụ thể hơn các hoạt động của Đội, phân công phó bí thư chi bộ trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ các hoạt động Đội. Tuyên truyền chính sách dân số đến đảng viên, giáo viên

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng chuyên môn, số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.4-01].

b) Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5, tổ văn thể mỹ, tổ tiếng Anh và tổ văn phòng; các tổ được thành lập và có cơ cấu theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Điều 15 của Điều lệ Trường tiểu học; mỗi tổ đều có tổ trưởng hoặc tổ phó [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

c) Tổ chuyên môn sinh hoạt 02 lần/tháng. Mỗi tổ đều có xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học riêng biệt [H1-1.4-05], các thành viên trong tổ có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp tổ chuyên môn. Các tổ chuyên môn khi sinh hoạt, thực hiện chuyên đề thao giảng đều có ghi biên bản vào sổ họp của tổ [H1-1.4-06]. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng [H1-1.4-07].

- Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 của Điều lệ Trường tiểu học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1.4-05]; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.4-08]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-08]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-09].

- Tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng theo Điều 19 của Điều lệ trường tiểu học: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm nhằm phục

vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05]; giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.4-10]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-11]; lưu trữ hồ sơ của trường đầy đủ [H1-1.4-12].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch của trường và kế hoạch của tổ chuyên môn, trường tổ chức ít nhất 01 chuyên đề cấp trường và mỗi tổ đều có ít nhất 01 chuyên đề cấp tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Các tổ đều thực hiện tốt việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của trường. Từ đó, các tổ đã có đóng góp tích cực cho hoạt động của trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Từ việc kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung sinh hoạt, chuyên môn, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã có những hoạt động chất lượng, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ, tuy nhiên kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng đôi khi chưa được điều chỉnh kịp thời theo điều kiện thực tế và hoạt động chung của nhà trường [H1-1.4-13].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức định kì, liên tục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.4-13].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học. Các kế hoạch của tổ chuyên môn đề ra cụ thể, rõ ràng thuận tiện cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục một cách toàn diện.

## **3. Điểm yếu**

Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng đôi khi chưa được điều chỉnh kịp thời

theo điều kiện thực tế và hoạt động chung của nhà trường.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, định kì cuối kì 1, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ văn phòng điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế và hoạt động chung của nhà trường.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

##### **Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp Một đến lớp Năm theo quy định cấp tiểu học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp với lớp trưởng và 02 lớp phó. Các lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó. Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi 04 lần/năm học nhằm thúc đẩy các hoạt động học tập và phong trào của lớp để đạt hiệu quả cao [H1-1.5-03].

- c) Trường đảm bảo nguyên tắc tự quản, dân chủ tại các lớp học. Tất cả mọi hoạt động của lớp đều được thực hiện công khai, minh bạch [H1-1.5-03].

Mức 2:

- a) Năm học 2022-2023, trường có 61 lớp với 10 lớp Một; 12 lớp 2; 12 lớp Ba; 11 lớp Bốn và 16 lớp Năm [H1-1.5-02].

b) Tổng số học sinh là 3054 em. Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 50,06 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.5-02].

c) Trường có chú ý việc tổ chức các lớp học với số lượng học sinh đồng đều nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường [H1-1.5-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp Một đến lớp Năm, các lớp học được tổ chức theo đúng quy định tại Điều 16, Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

Các lớp học hoạt động dưới sự điều hành của Ban cán sự lớp trên nguyên tắc tự quản, dân chủ.

## **3. Điểm yếu**

Số lớp vượt quá quy định. Sĩ số bình quân học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16, Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng tích cực tham mưu lãnh đạo Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo phân tuyến, giao chỉ tiêu huy động trẻ 06 tuổi trên địa bàn vào lớp Một thích hợp để đảm bảo trường thực hiện được quy định của Điều lệ Trường tiểu học về số lớp/trường và số học sinh/lớp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### **Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.5-01] lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-02], sổ nghị quyết và kế hoạch công tác [H1-1.6-03], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-04], sổ thi đua khen thưởng [H1-1.6-05], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-06], sổ công văn đến [H1-1.6-07], sổ công văn đi [H1-1.6-08]. Các hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác.

b) Trường có thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Trường có kế hoạch định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Tổ trưởng văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.6-09].

- Quy chế chi tiêu nội bộ luôn được cập nhật, bổ sung phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại trường và đều được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bàn bạc, thống nhất tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của trường [H1-1.6-10].

- Trường thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 về công khai cơ sở vật chất, công khai ngân sách đúng quy định. Hình thức công khai trên bản tin, trong họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

c) Trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính được giao; thực hiện việc tu bổ mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-13]; [H1-1.6-14].

Mức 2:

a) Nhà trường đã và đang triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính. Đồng thời, trường chú ý đến việc cập nhật trang thông tin điện tử của trường [H1-1.6-15].

b) Từ năm học 2015-2016 đến nay, trường không có vi phạm nào về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-09].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định. Hằng năm lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, theo quy chế chi tiêu nội bộ, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Thực hiện hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công cho bộ phận kế toán nghiên cứu, xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn

để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường chú trọng việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong đội ngũ; có kế hoạch, tạo điều kiện và khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-10].

b) Trường có kế hoạch và phân công rõ ràng, cụ thể đối với từng thành viên trong trường. Công tác tuyển dụng nhân viên được thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan [H1-1.7-01].

- Hồ sơ cán bộ, giáo viên và nhân viên được cập nhật đầy đủ hằng năm [H1-1.7-02].

- Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ kế cận giai đoạn 2020-2025; 2025-2030 theo chỉ đạo của cấp trên [H1-1.7-02].

- Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm phát huy được năng lực của cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường tiểu học. Trường tạo mọi điều kiện để giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, học tập tin học, ngoại ngữ; được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.1-02]; [H1-1.6-10].

#### Mức 2:

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá các hoạt động để từ đó làm cơ sở cho sự phân công, điều chỉnh cá nhân thực hiện. Qua đó, nhà trường phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04]. Tuy nhiên nhà trường chưa có biện pháp cụ thể để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

### **2. Điểm mạnh**

Hằng năm, trường có Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý, rõ ràng và đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý; tạo điều kiện cho việc học tập, bồi dưỡng; đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có biện pháp cụ thể để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn điều chỉnh, bổ sung các biện pháp cụ thể hơn để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện về thời gian, xây dựng cơ chế hỗ trợ học phí, chế độ đãi ngộ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### **Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Trường có đề ra kế hoạch giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; quản lý học sinh theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các kế hoạch được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định, điều kiện tại địa phương và tình hình thực tế của trường [H1-1.1-03].

- b) Dựa vào kế hoạch giáo dục, nhà trường tiến hành triển khai các công việc đã đề ra và thực hiện công tác quản lý nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ để thực hiện [H1-1.4-02].

c) Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm trong phiên họp Hội đồng giáo dục hằng tháng, trong Hội đồng Thi đua [H1-1.6-03]; [H1-1.8-03].

Trường thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nội bộ với đầy đủ kế hoạch các lần kiểm tra định kỳ, có thực hiện phân công coi kiểm tra cụ thể, đảm bảo đúng quy chế chuyên môn, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

#### Mức 2:

Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả, khen thưởng; cụ thể:

- Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với thành tích hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021 [H1-1.8-04];

- Danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2022-2023 [H1-1.8-05].

- Nhà trường đôi khi chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch hoạt động ngoại khóa đã đề ra do có những công tác đột xuất khác.

### **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học được xây dựng và thực hiện tốt, phù hợp với tình hình thực tế của trường. Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường đôi khi chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch hoạt động ngoại khóa đã đề ra do có những công tác đột xuất khác.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chú trọng phát huy thế mạnh trong việc thực hiện các hoạt động ngoại khóa và sắp xếp, bố trí, phân công nhân sự phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động thực hiện kịp tiến độ như kế hoạch đã đề ra.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; tất cả mọi hoạt động, nội dung có liên quan đều được đưa ra thảo luận công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các cuộc họp Hội đồng Giáo dục hằng tháng. Toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được biết và tham gia đóng góp ý kiến, bàn bạc, thống nhất [H1-1.6-10]. Tuy nhiên ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa thật sự tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.6-10].

b) Trong thời gian qua, trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12].

c) Hằng năm, trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, đảm bảo nghiêm túc việc triển khai và thực hiện nội dung này tại trường [H1-1.6-10].

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra và thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-

10]. Tất cả mọi hoạt động diễn ra trong trường đều được đưa ra bàn bạc, thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường [H1-1.6-10].

## **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Tất cả các nội dung đều được đưa ra thảo luận công khai và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

## **3. Điểm yếu**

Ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa thật sự tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng chủ động tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến, tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; phương án xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.10-02]; kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng chống ma túy [H1-1.10-04].

b) Nhà trường xây dựng các kênh để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và người dân. Thông tin về số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cán bộ quản lý được công khai trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.6-15].

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương. Phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường. Không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

c) Thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về những vấn đề như đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm,... [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Cán bộ quản lý nhà trường luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng giáo dục bên ngoài trường về những vấn đề có liên quan để từ đó có biện pháp kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-06]. Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa nhiều năm liền [H1-1.10-06]. Nhiều phụ huynh chưa có ý thức trong việc đưa đón học sinh trước cổng trường, thường xuyên đậu xe trước cổng trường nên ảnh hưởng đến an toàn cho học sinh khi ra vào trường.

## **2. Điểm mạnh**

Tình hình an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được đảm bảo trong nhiều năm qua. Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa nhiều năm liền.

## **3. Điểm yếu**

Nhiều phụ huynh chưa có ý thức trong việc đưa đón học sinh trước cổng trường, thường xuyên đậu xe trước cổng trường nên ảnh hưởng đến an toàn cho học sinh khi ra vào trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2024, hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho giáo viên quan sát, theo dõi học sinh trong giờ ra về; tuyên truyền cha mẹ học sinh ý thức đậu xe khi đưa đón học sinh đúng nơi quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

- Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện với những nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định theo Luật và trên cơ sở nguồn lực của trường.

- Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học được xây dựng và thực hiện tốt, phù hợp với tình hình thực tế của trường. Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh đạo trong chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao.

- Trường có Chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường để phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

- Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên; đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở.

### **Điểm yếu cơ bản**

- Số lớp vượt quá quy định. Sĩ số bình quân học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16, Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0**

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

#### **Mở đầu:**

Cán bộ quản lý đạt trình độ Cử nhân tiểu học, Cử nhân quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tin nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học.

Nhà trường có 93,18% giáo viên trình độ đạt chuẩn trở lên. Giáo viên có tay nghề chuyên môn vững vàng, có tâm huyết với nghề. Đội ngũ nhân viên có đủ số lượng, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu các công việc được phân công.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và của pháp luật. Các em thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định.

### **Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 03 cán bộ quản lý đều đạt và trên chuẩn theo quy định, trong đó 01 cán bộ quản lý có bằng Thạc sĩ giáo dục. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có số năm dạy học từ 5 năm trở lên. Hiệu trưởng có 29 năm công tác, phó hiệu trưởng 1 có 26 năm công tác, phó hiệu trưởng 2 có 32 năm công tác. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có quyết định bổ nhiệm của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn đúng quy định [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá đạt từ khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều có trình độ Trung cấp chính trị [H2-2.1-04]; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học và được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Từ năm học 2022-2023, cán bộ quản lý trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng 1 có bằng Thạc sĩ giáo dục học và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức; thúc đẩy và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]. Tuy nhiên hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị.

Mức 3:

Cán bộ quản lý liên tục được lãnh đạo cấp trên đánh giá đạt khá, xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học năm học 2021-2022 [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vững vàng, được tập thể tín nhiệm, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức; thúc đẩy và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị. Chưa đảm bảo 100% trình độ Thạc sĩ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, phó hiệu trưởng sắp xếp công việc tham gia học lớp Thạc sĩ.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) *Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Năm học 2022-2023, trường có 61 lớp học 2 buổi/ngày. Tổng số giáo viên của trường là 93 (hợp đồng khoán 05 người gồm 03 giáo viên chủ nhiệm lớp và 02 giáo viên dạy bộ môn). Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,41 chưa đạt so với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-

1.1-03]. Số lượng giáo viên trong định biên chưa đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

- Đội ngũ giáo viên bộ môn gồm có 02 giáo viên dạy Thể dục, 03 giáo viên dạy Tin học (01 hợp đồng khoán), 02 giáo viên dạy Âm nhạc, 12 giáo viên dạy tiếng Anh và 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội [H2-2.1-06].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

c) Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Trong 05 năm liên tiếp, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên [H2-2.2-03].

|            | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> |
|------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trung bình | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           |
| Khá        | 46                           | 50                           | 50                           | 79                           | 75                           |
| Tốt        | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           | 13                           |

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn là 82/88 giáo viên, đạt tỷ lệ 93,18%. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu [H2-2.2-02].

b) Năm học 2022-2023, 100% giáo viên luôn được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.6-11].

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn đào tạo chiếm đa số trong trường, đạt tỷ lệ là 97,40% [H2-2.2-03].

b) Trong những năm qua, 100% giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông đạt từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Giáo viên có trình độ đạt chuẩn đạt 97,13%, 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

### **3. Điểm yếu**

Số lượng giáo viên trong định biên chưa đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo quy định.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng vận động, tạo điều kiện để giáo viên tham gia học chuẩn hóa trình độ đào tạo theo quy định.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

#### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tổ văn phòng có 4 người gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện thiết bị, 01 nhân viên y tế (hợp

đồng khoán) đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.4-02]; [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên được phân công công việc phù hợp với năng lực công tác, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác hành chính, tài chính, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động giáo dục khác của đơn vị [H1-1.4-02].

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-03]; được đảm bảo các chế độ chính sách như lương, bảo hiểm xã hội [H1-1.6-12].

Mức 2:

a) Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, số lượng nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, thiết bị, phụ trách y tế định biên là 05 người. Trường không đủ số nhân viên theo định biên nên phải hợp đồng khoán [H1-1.7-01].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỷ luật [H1-1.6-11].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.3-02].

b) Đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm [H2-2.1-06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác hành chính, tài chính, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động giáo dục khác của đơn vị.

## **3. Điểm yếu**

Hàng năm, nhân viên thư viện, thiết bị chưa được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu, đề xuất với trường bồi dưỡng tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên phụ trách thư viện, thiết bị.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

#### **Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Trường tiểu học (từ 6 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp Một là 06 tuổi; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thể vào học lớp Một ở độ tuổi từ 07 đến 09 tuổi, không có học sinh học sớm tuổi. Toàn trường có 3054 học sinh, trong đó có 18 học sinh khuyết tật [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác nhưng chưa cao. Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ theo Điều 34 của Điều lệ Trường tiểu học [H2-2.4-01].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng

khiếu; được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường chú ý rèn luyện, giáo dục năng lực phẩm chất cho học sinh. Các trường hợp học sinh vi phạm được giáo viên, nhà trường phát hiện kịp thời để có biện pháp giáo dục phù hợp [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt việc nêu gương học sinh có thành tích học tập, rèn luyện để làm động lực cho những học sinh noi theo, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục chung của trường [H1-1.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định. Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh theo Điều 34 của Điều lệ Trường tiểu học.

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Các bộ phận trong nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ trong việc đảm bảo quyền của học sinh theo quy định, tạo điều kiện cho các em được phát triển toàn diện.

## **3. Điểm yếu**

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, giáo viên chủ nhiệm triển khai, chỉ đạo cho học sinh thực hiện tốt 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học; xây dựng kế hoạch, đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lớp để kích thích hứng thú học tập và phát huy năng lực của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật**

- Cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường.

- 100% giáo viên đạt chuẩn và được xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường có đội ngũ nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

- Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định.

### **Điểm yếu cơ bản**

- Số lượng giáo viên trong định biên chưa đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo quy định.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4**

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; có đủ các phòng học, đảm bảo cho học sinh học 2 buổi/ngày. Trường có 16 khu vệ sinh riêng biệt, có nơi để xe cho giáo viên, nơi để xe khách; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định đối với thư viện.

Thiết bị giáo dục luôn đảm bảo, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Hằng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường

hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.

### **Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập**

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khuôn viên trường có diện tích là 21777 m<sup>2</sup> [H1-1.6-14], trồng nhiều cây xanh đảm bảo: xanh, sạch, đẹp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ cao 02 m. Cổng trường và tường rào đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi rộng rãi, thoáng mát cũng là sân tập thể dục cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên trường rộng rãi. Có sân chơi, sân tập thể dục bằng phẳng, có cây xanh bóng mát trong sân với độ phủ cây xanh trên 30% diện tích

trường; diện tích sân là 8553 m<sup>2</sup> chiếm 39,7% diện tích mặt bằng xây dựng của trường [H3-3.1-01].

b) Nhà trường đảm bảo diện tích, chất lượng sân chơi, sân tập cho học sinh trong giờ học thể dục và hoạt động [H3-3.1-01].

Mức 3:

Nhà trường đảm bảo trang bị cho học sinh sân chơi, sân tập, có cây xanh che bóng mát. Tuy nhiên sân trường có hiện tượng bong tróc nền gạch do rễ cây đội lên, có thể ảnh hưởng đến an toàn khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động trong sân chơi, sân tập [H3-3.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Khuôn viên trường có nhiều cây xanh, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, đảm bảo an ninh trật tự, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi.

## **3. Điểm yếu**

Sân trường có hiện tượng bong tróc nền gạch do rễ cây đội lên, có thể ảnh hưởng đến an toàn khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động trong sân chơi, sân tập.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng lập kế hoạch cải tạo sân trường hằng năm, cân đối kinh phí, mua sắm đồ chơi, thiết bị vận động tại sân chơi.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 3.2: Phòng học**

Mức 1:

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 61 phòng học đủ cho 61 lớp học, lớp học có đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Các phòng học có diện tích là 56 m<sup>2</sup> [H3-3.1-03].

b) Mỗi phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh theo đúng tiêu chuẩn, có bàn ghế cho giáo viên theo quy định. Bảng lớn trong mỗi phòng có màu xanh, kích thước là 1,2 m x 3,6 m. Cách treo bảng trong lớp học được đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế [H3-3.1-03]. Bên cạnh đó, trường còn trang bị cho các lớp ảnh Bác, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm, góc thư viện cho mỗi phòng học. Hằng năm, trường đều có kế hoạch thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giáo dục phục vụ các hoạt động giáo dục [H3-3.2-01].

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học cho giáo viên [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học là 56 m<sup>2</sup>. Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn 1,25 m<sup>2</sup>/học sinh và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định [H3-3.2-01].

b) Trong các phòng học, nhà trường đều trang bị tủ đựng thiết bị dạy học cho giáo viên [H3-3.2-01].

c) Nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc bàn ghế học sinh trong lớp [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường có trang bị 04 phòng giảng dạy tin học, 02 phòng học tiếng Anh; 01 phòng học STEM; 01 phòng âm nhạc [H3-3.2-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ phòng học và các trang thiết bị bên trong đảm bảo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

## **3. Điểm yếu**

Diện tích phòng học so với số lượng học sinh và tiêu chuẩn TCVN 8793:2011 chưa đảm bảo.

Trường chưa bố trí được các phòng riêng biệt để dạy các môn mỹ thuật, khoa học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tham mưu, đề xuất với lãnh đạo huyện phân tuyến tuyển sinh nhằm giảm dần số lượng học sinh của mỗi lớp, đảm bảo diện tích bình quân trên học sinh theo quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị**

Mức 1:

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có các phòng chức năng phục vụ việc giảng dạy và giáo dục học sinh gồm phòng tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và phòng hoạt động Đội [H3-3.2-01]. Diện tích phòng thiết bị chưa đảm bảo theo quy định.

b) Khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chánh, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ. Các phòng đều trang bị các trang thiết bị tối thiểu để làm việc như bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy tính và các phương tiện khác [H3-3.2-01].

c) Trường có khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khách được đặt ở vị trí thuận tiện. Khu để xe an toàn, thực hiện tốt khâu bảo vệ trong việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà trường không có nhà để xe học sinh vì học sinh còn nhỏ, các em tự đi bộ hoặc do ba mẹ đưa đón [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và hành chính - quản trị: văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ, khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ [H3-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường chú ý trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập, hành chính - quản trị; đáp ứng tốt việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Diện tích phòng thiết bị chưa đảm bảo theo quy định.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2023, hiệu trưởng sắp xếp, bố trí lại các phòng chức năng để đảm bảo yêu cầu phòng thiết bị, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có khu vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên, học sinh; được đặt tại những vị trí phù hợp, thuận tiện, đảm bảo an toàn và sạch sẽ [H3-3.4-01].

b) Trường sử dụng hệ thống nước máy do Công ty Cấp nước Trung An cung cấp; đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ cho ăn uống, nhu cầu sử dụng hằng ngày; đảm bảo an toàn vệ sinh. Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

c) Trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có bố trí địa điểm tập kết rác thải và thời gian thu gom rác hợp lý, đúng theo kế hoạch nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước thủy cục để nấu ăn cho học sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh, nhà vệ sinh luôn đảm bảo khô, thoáng, sạch sẽ. Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

## **3. Điểm yếu**

Trường có khu vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023- 2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tích cực tham mưu lãnh đạo Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo giảm sĩ số học sinh toàn trường nhằm đảm bảo yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như máy tính kết nối mạng Internet, máy in, máy photocopy... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có phòng thiết bị đảm bảo đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định theo chương trình GDPT 2018 và Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ đồ dùng dạy học do kinh phí cấp được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng. Số lượng bảng tương tác của trường hiện có là 03, trường đã trang bị thêm 45 ti vi để đáp ứng nhu cầu dạy học của giáo viên [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, nhân viên thiết bị thực hiện tốt việc kiểm kê và có đề xuất với Ban Giám hiệu để thực hiện sửa chữa, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học bị hư hỏng [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ mạng internet cho hệ thống máy tính nhằm phục vụ công tác học tập và hỗ trợ hoạt động dạy học [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục quy định. [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, trên cơ sở thực hiện việc kiểm kê, đánh giá hiện trạng các thiết bị; nhân viên thiết bị lập kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị, phương tiện dạy học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Ngoài việc khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học được trang bị, trường khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục [H3-3.5-03]. Tuy nhiên các thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn đơn sơ, chưa đạt hiệu quả cao.

## **2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo đầy đủ các thiết bị và đồ dùng dạy học nhằm phục vụ tốt hoạt động giảng dạy. Giáo viên tích cực sử dụng có hiệu quả thiết bị giáo dục trong giảng dạy và học tập.

## **3. Điểm yếu**

Các thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn đơn sơ, chưa đạt hiệu quả cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thiết bị tổ chức cho giáo viên tự làm thiết bị dạy học có giá trị, sử dụng được lâu dài và hiệu quả.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### **Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện có trang bị tủ đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi,... đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hằng năm, thư viện tổ chức các hội thi kể chuyện theo chủ đề, triển lãm trưng bày sách mới, vẽ tranh theo chủ điểm, kể chuyện Bác Hồ, ngày hội đọc sách, vận động học sinh đóng góp sách, truyện,... tạo sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện nhằm thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.6-02].

c) Nhân viên thư viện thường xuyên thực hiện kiểm kê, báo cáo số liệu đầu sách, báo, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Từ đó, thực hiện đề xuất trường trích ngân sách Nhà nước mua thêm sách, báo, truyện, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo khác để bổ sung cho tủ sách thư viện [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện được đặt ở nơi thuận tiện nhằm phục vụ học sinh, giáo viên và nhân viên với diện tích phòng là 79 m<sup>2</sup>. Thư viện của nhà trường được công nhận Thư viện tiên tiến theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02

tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến. Số lượng máy tính của thư viện được kết nối internet chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện tiên tiến nhiều năm liền. Thư viện trường có nhiều hoạt động đạt hiệu quả. Tủ sách thư viện đảm bảo đủ sách báo, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Số lượng máy tính của thư viện được kết nối internet chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng cân đối kinh phí, tham mưu Ủy ban Nhân dân huyện duyệt chủ trương cho nhà trường mua bổ sung máy tính cho thư viện để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

- Khuôn viên trường có nhiều cây xanh, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, đảm bảo an ninh trật tự, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi.

- Trường có đủ phòng học và các trang thiết bị bên trong đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

- Nhà trường có đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

- Thư viện trường đạt Thư viện tiên tiến nhiều năm liền. Thư viện có nhiều hoạt động đạt hiệu quả. Tủ sách thư viện đảm bảo đủ sách báo, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

### **Điểm yếu cơ bản**

- Diện tích phòng học so với số lượng học sinh theo tiêu chuẩn TCVN 8793:2011 chưa đảm bảo.

- Diện tích phòng thiết bị chưa đảm bảo theo quy định.

- Trường chưa bố trí được các phòng riêng biệt để dạy các môn khoa học.

- Trường có khu vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh.

- Nhân viên thư viện, thiết bị trường chưa là biên chế trong định biên theo quy định (hợp đồng khoán).

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/6**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6**

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

#### **Mở đầu:**

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với cha mẹ học sinh, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy xã Bà Điểm; phối hợp tốt với Ủy ban Nhân dân, các đoàn thể xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

#### **Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, từng lớp và được bầu ra vào đầu năm học [H4-4.1-01].

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và nghị quyết hoạt động cụ thể trong năm học [H4-4.1-01].

c) Trên cơ sở kế hoạch và nghị quyết hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ đã đề ra. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các hoạt động.

Định kỳ 03 lần trong năm học, trường tổ chức họp với tất cả cha mẹ học sinh lớp. Hằng tháng, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh thường xuyên trao đổi thông tin đầy đủ về tình hình học tập, đạo đức và các hoạt động khác của từng học sinh qua sổ liên lạc, điện thoại. Cha mẹ học sinh có thể gặp gỡ trực tiếp giáo viên hoặc cán bộ quản lý khi có vấn đề thắc mắc cần trao đổi, chia sẻ sau giờ lên lớp [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

#### Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho học sinh; vận động học sinh tích cực học tập. Các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung. Tuy nhiên, ở một vài lớp Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong một số hoạt động [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

#### Mức 3:

Ngoài việc phối hợp có hiệu quả với nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi nhà trường trú đóng nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sư phạm lành mạnh; góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

### **2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đảm bảo đúng theo Điều lệ. Ban đại diện hoạt động theo kế hoạch từng năm học, có những giải pháp cụ thể để giúp nhà trường trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

### **3. Điểm yếu**

Việc phối hợp của Ban đại diện Cha mẹ học sinh lớp với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa đạt hiệu quả cao.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tới, nhà trường đẩy mạnh công tác phối, kết hợp với Ban đại diện, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, cha mẹ học sinh của lớp thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H4-4.2-01]. Hằng tháng, chi bộ, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên báo cáo về kế hoạch và các biện pháp hoạt động giáo dục cụ thể của nhà trường với Đảng ủy xã Bà Điểm [H4-4.2-01].

b) Chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2021-2025 được nhà trường niêm yết công khai tại trường và gửi cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể của địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-01].

- Nhà trường tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm các lớp triển khai kế hoạch năm học của nhà trường, kế hoạch giảng dạy và giáo dục học sinh, cách đánh giá học sinh tiểu học đến toàn thể cha mẹ học sinh trong phiên họp đầu năm của lớp để cùng tham gia góp ý và hỗ trợ thực hiện [H4-4.1-02].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ được Phòng GDĐT duyệt tài trợ quà khen thưởng học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường như: tặng quà Tết cho học sinh nghèo, mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh khó khăn, khen thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào, ... [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ. Trước khi triển khai thực hiện các hoạt động tại trường, cán bộ quản lý nhà trường luôn thực hiện việc xin ý kiến chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động đã được thông qua nhằm đảm bảo tính thống nhất, lãnh đạo xuyên suốt từ cấp trên [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể thực hiện việc giáo dục cho học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức lối sống,... Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thu hút học sinh tham gia [H1-1.1-02].

Mức 3:

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa được hiệu quả.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chặt chẽ các tổ chức, đoàn thể của địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục, phát triển nhà trường. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2023-2024, hiệu trưởng tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và thường xuyên phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo kế hoạch từng năm học, có giải pháp hỗ trợ trong việc giáo dục học sinh theo điều kiện thực tế của nhà trường.
- Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể, tổ chức của địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch giáo dục.

#### **Điểm yếu cơ bản**

- Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp hoạt động chưa tích cực.
- Việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2**

### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

#### **Mở đầu:**

Trong nhiều năm qua, trường đã triển khai thực hiện các nội dung, chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tổ chức hiệu quả cho giáo viên tham gia hội giảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thực hiện hiệu quả công tác Phổ cập giáo dục tiểu học. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục đáp ứng đúng yêu cầu của các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hằng năm, nhà trường đều có đánh giá, xếp loại từng học sinh theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Trong năm học, nhà trường tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, tạo điều kiện cho các em học sinh yếu có tiến bộ ở cuối năm học.

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá cũng như việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các tiết dạy và hoạt động ngoài giờ lên lớp; làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

### Mức 1:

a) Trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, có xây dựng kế hoạch đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông, các quy định của cơ quan quản lý cấp trên và điều kiện tình hình thực tế tại trường [H1-1.1-03]. Hằng năm, kế hoạch công tác năm học của nhà trường được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt, trường xây dựng các kế hoạch hoạt động các bộ phận theo quy định [H5-5.1-01].

b) Mục tiêu giáo dục toàn diện được đảm bảo thực hiện thông qua các hoạt động được xây dựng, triển khai từ các kế hoạch. Kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh toàn diện luôn được đảm bảo trong những năm học vừa qua [H1-1.1-02].

c) Kế hoạch công tác chuyên môn của trường được Hiệu trưởng phê duyệt, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn đối với hoạt động của trường [H5-5.1-01].

### Mức 2:

a) Trường luôn triển khai các thông tin mới, thông tin cập nhật của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

b) Kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn của trường được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh biết và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch [H1-1.6-04]. Nhà trường thực hiện việc niêm yết công khai nội dung, kế hoạch trong phòng Hội đồng để giáo viên theo dõi. Tuy nhiên việc phổ biến, công khai kế hoạch giáo dục để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch còn hạn chế.

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn kiểm tra, phê duyệt và được công khai đến tập thể sư phạm.

## **3. Điểm yếu**

Việc phổ biến, công khai kế hoạch giáo dục để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch còn hạn chế.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên văn thư thực hiện công khai kế hoạch giáo dục của nhà trường lên website để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### **Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kỹ năng. Việc xây dựng thời khoá biểu thực hiện

đúng theo văn bản số 7312/BGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục [H5-5.2-01].

b) Trong những năm học vừa qua, trường đã triển khai đến giáo viên việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức lớp học theo mô hình trường tiểu học mới phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi nên việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực còn chậm [H1-1.1-02].

c) Trường triển khai đến toàn thể giáo viên thực hiện quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của giáo viên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03]; [H5-5.2-02].

#### Mức 2:

a) Trường luôn chú trọng việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra; triển khai đến toàn thể giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp; chú ý đến từng đối tượng để đạt được kết quả giáo dục tốt nhất [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

b) Căn cứ vào kết quả cuối năm của năm học trước, trường có kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo cho các tổ khối xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh tiếp thu bài chậm, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Giáo viên chủ nhiệm tăng cường phụ đạo, bồi dưỡng học sinh vào buổi dạy thứ hai, phối hợp cùng với cha mẹ học sinh trong việc theo dõi, kiểm tra việc học của học sinh thông qua sổ báo bài và sổ liên lạc [H5-5.2-03].

#### Mức 3:

Trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.4-13].

## **2. Điểm mạnh**

Trường xây dựng đầy đủ kế hoạch năm học, tháng. Các kế hoạch được xây dựng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, định hướng cho các tổ khối và giáo viên thực hiện đúng các chỉ đạo và quy định của ngành.

### **3. Điểm yếu**

Vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi, chưa tiếp cận nhanh trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực, hiệu quả chưa cao

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tổ chức các buổi tập huấn giúp giáo viên lớn tuổi bồi dưỡng, nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

#### **Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác**

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giảng dạy kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh cho từng khối lớp do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hướng dẫn [H5-5.3-01]. Thông qua việc giảng dạy các môn học, giáo viên thường xuyên lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho từng học sinh.

Trường tăng cường giáo dục và rèn kỹ năng sống cho học sinh trong tiết sinh hoạt ngoại khóa [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

- Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể [H5-5.3-04].

b) Trong các tiết học, giáo viên thường xuyên sử dụng các hình thức tổ chức lớp học đa dạng, phong phú nhằm tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Tuy nhiên vẫn còn học sinh nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động [H5-5.3-05].

- Trường đã tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh theo từng chủ điểm như: thể dục giữa giờ, hội trại, hội khỏe Phù Đổng, giáo dục vệ sinh răng miệng, kể chuyện theo sách, văn nghệ, vẽ tranh, học sinh tham quan di tích lịch sử, tham quan nông trại,... [H5-5.3-04].

c) Tất cả các hoạt động đều thông báo rộng rãi và thu hút số lượng lớn học sinh đăng kí tham gia [H1-1.1-02].

Mức 2:

Các hoạt động được nhà trường tổ chức có hiệu quả, chú trọng đến việc tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động nhằm rèn luyện kỹ năng của bản thân [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04].

Mức 3:

Nhà trường chưa tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa. Trường đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa tạo không khí sôi nổi thu hút 100% học sinh tham gia. Qua đó giáo dục học sinh được ý thức tập thể, tinh thần đồng đội, lòng yêu quê hương, đất nước.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa tổ chức nhiều các hoạt động dạy học trải nghiệm cho học sinh.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm, dạy học trải nghiệm cho học sinh.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### **Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học**

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã Bà Điểm tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh thực hiện tốt Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường [H5-5.4-01]. Qua việc phối hợp trên, nhà trường đã nắm được cụ thể về số liệu, thông tin phổ cập giáo dục trên địa bàn. Từ đó, nhà trường có kế hoạch phổ cập giáo dục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Nhân dân xã Bà Điểm trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương [H1-1.6-01]. Tuy nhiên, trường chưa thật sự chủ động thực hiện việc nắm bắt, thống kê tình hình học sinh đầu cấp.

b) Hằng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi theo quy hoạch trên địa bàn, theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban Nhân dân xã Bà Điểm vào lớp 1, thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” H5-5.4-02].

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H5-5.4-02].

c) Trường thực hiện công tác quản lý hồ sơ phổ cập theo đúng quy định [H1-1.6-01].

Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100% [H5-5.4-02].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường đạt 100% [H1-1.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa chủ động trong việc nắm bắt, cập nhật thông tin, thống kê tình hình học sinh đầu cấp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên văn thư cập nhật số liệu học sinh đầu cấp kịp thời, đúng thời gian quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

*b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;  
b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;  
b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,57% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường luôn đảm bảo 100% [H1-1.5-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Trường không có trường hợp học sinh quá 12 tuổi đang theo học tại trường [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong năm qua đạt trên 99,9% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong năm qua luôn đạt 99,9% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu quả giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99,9%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 100%.

## **3. Điểm yếu**

Còn 0,01% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, phải kiểm tra lại trong hè.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc phụ đạo học sinh chậm tiến bộ, quan tâm và bồi dưỡng học sinh năng khiếu để đạt tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học 100%.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường mang tính khả thi, cụ thể theo từng nội dung và có đánh giá sơ kết, tổng kết theo từng năm.

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, chuyên đề chuyên môn theo từng năm.

- Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp Một đạt 100%.

#### **Điểm yếu cơ bản**

- Trường còn 02 giáo viên lớn tuổi nên hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học mới.

- Trường còn 0,01% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, phải kiểm tra lại trong hè.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5**

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 27/27 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/27 Tỷ lệ: 0%
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 22/27 Tỷ lệ: 81,5%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 05/27 Tỷ lệ: 18,5%
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 05/19 Tỷ lệ: 26,3%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 14/19 Tỷ lệ: 73,7%
- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ: Mức 1;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Hồng Phụng**

**Phần IV: PHỤ LỤC**  
**Bảng danh mục mã minh chứng**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1            | [H1-1.1-01]          | Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường           | Giai đoạn 2021-2025                                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng    |
|                     | 2            | [H1-1.1-02]          | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng    |
|                     | 3            | [H1-1.1-03]          | Kế hoạch năm học                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng    |
|                     | 4            | [H1-1.1-04]          | Văn kiện Đại hội Chi bộ                                 | Nhiệm kì 2020-2022<br>Nhiệm kì 2022-2025                                             | Chi bộ                                           | Bí thư chi bộ  |
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 1            | [H1-1.2-01]          | Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 | Số 77/QĐ-GDĐT ngày 22/10/2021                                                        | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn          | Hiệu trưởng    |
|                     | 2            | [H1-1.2-02]          | Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua-Khen thưởng       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng    |
|                     | 3            | [H1-1.2-03]          | Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn                    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022                                               | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng    |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                    | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|---------------------|--------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
|                     |              |                      |                                                                          | Năm học 2022-2023                                                                    |                                                  |                 |
|                     | 4            | [H1-1.2-04]          | Hồ sơ, biên bản họp của Hội đồng trường                                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hội đồng trường                                  | Hiệu trưởng     |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 1            | [H1-1.3-01]          | Quyết định thành lập Chi bộ Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ                  | Số 50-QĐ/ĐU ngày 30/12/2004                                                          | Đảng ủy xã Bà Diễm                               | Bí thư chi bộ   |
|                     | 2            | [H1-1.3-02]          | Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn                             | Nhiệm kì 2019-2023<br>Nhiệm kì 2023-2028                                             | Công đoàn Giáo dục huyện Hóc Môn                 | Chủ tịch CĐCS   |
|                     | 3            | [H1-1.3-03]          | Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn                              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Ban chấp hành Đoàn xã Bà Diễm                    | Bí thư chi đoàn |
|                     | 4            | [H1-1.3-04]          | Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hội đồng Đội huyện Hóc Môn                       | Tổng phụ trách  |
|                     | 5            | [H1-1.3-05]          | Quyết định thành lập Sao Nhi đồng                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Tổng phụ trách  |
|                     | 6            | [H1-1.3-06]          | Quyết định thành lập Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Trường Bùi Văn Ngừ | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022                                               | Hội Khuyến học xã Bà Diễm                        | Phó Hiệu trưởng |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                       | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>                            |
|-----------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                 |              |                      |                                                                                             | Năm học 2022-2023                                                                    |                                                  |                                           |
|                 | 7            | [H1-1.3-07]          | Biên bản sinh hoạt Chi bộ                                                                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Chi bộ                                           | Bí thư chi bộ                             |
|                 | 8            | [H1-1.3-08]          | Báo cáo tổng kết công tác Đảng và phương hướng nhiệm vụ hằng năm                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Chi bộ                                           | Bí thư chi bộ                             |
|                 | 9            | [H1-1.3-09]          | Kết quả đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng                                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Đảng uỷ xã Bà Điểm                               | Bí thư chi bộ                             |
|                 | 10           | [H1-1.3-10]          | Hình ảnh hoạt động của Công đoàn                                                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Công đoàn cơ sở trường                           | Chủ tịch Công đoàn cơ sở                  |
|                 | 11           | [H1-1.3-11]          | Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội                                                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Chi đoàn<br><br>Liên đội                         | Bí thư chi đoàn<br><br>Tổng phụ trách Đội |
|                 | 12           | [H1-1.3-12]          | Quyết định công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Công đoàn cơ sở<br>Chi đoàn<br>Liên đội          | Chủ tịch Công đoàn cơ sở                  |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                             | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>            | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>            | <b>Ghi chú</b>                        |
|---------------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|                     |              |                      |                                                                                                                   |                                                                                                 |                                                             | Bí thư chi đoàn<br>Tổng phụ trách Đội |
| <b>Tiêu chí 1.4</b> | 1            | [H1-1.4-01]          | Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng<br>Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1<br>Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2 | Số 47/QĐ-UBND ngày 12/8/2022<br>Số 24/QĐ-GDĐT ngày 20/9/2016<br>Số 4677/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 | Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn,<br>Phòng Giáo dục và Đào tạo | Hiệu trưởng                           |
|                     | 2            | [H1-1.4-02]          | Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên                                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                     | Hiệu trưởng                                                 | Hiệu trưởng                           |
|                     | 3            | [H1-1.4-03]          | Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và văn phòng                                                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                     | Hiệu trưởng                                                 | Hiệu trưởng                           |
|                     | 4            | [H1-1.4-04]          | Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng                                                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                     | Hiệu trưởng                                                 | Hiệu trưởng                           |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                               | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>                |
|-----------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|
|                 | 5            | [H1-1.4-05]          | Kế hoạch hoạt động tháng, năm học của tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng                  | Phó hiệu trưởng               |
|                 | 6            | [H1-1.4-06]          | Biên bản họp tổ chuyên môn                                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Tổ trưởng chuyên môn                             | Phó hiệu trưởng               |
|                 | 7            | [H1-1.4-07]          | Biên bản họp tổ văn phòng                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Tổ trưởng tổ văn phòng                           | Phó hiệu trưởng               |
|                 | 8            | [H1-1.4-08]          | Sổ sử dụng thiết bị của giáo viên                                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Giáo viên                                        | Nhân viên thư viện - thiết bị |
|                 | 9            | [H1-1.4-09]          | Hồ sơ Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                   |
|                 | 10           | [H1-1.4-10]          | Biên bản kiểm tra tài chính hằng năm                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phòng Tài chính huyện Hóc Môn                    | Nhân viên kế toán             |
|                 | 11           | [H1-1.4-11]          | Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức hằng năm               | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                   |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>            | <b>Ghi chú</b>                                              |
|---------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|                     | 12           | [H1-1.4-12]          | Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ của Phòng Giáo dục-Đào tạo            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn                     | Nhân viên thư viện, thiết bị                                |
|                     | 13           | [H1-1.4-13]          | Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng chuyên môn                                  | Phó hiệu trưởng chuyên môn                                  |
|                     | 14           | [H1-1.4-14]          | Biên bản họp, báo cáo tổng kết hằng năm của Công đoàn, Chi đoàn, Đội | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Chủ tịch công đoàn<br>Bí thư chi đoàn<br>Tổng phụ trách Đội | Chủ tịch công đoàn<br>Bí thư chi đoàn<br>Tổng phụ trách Đội |
| <b>Tiêu chí 1.5</b> | 1            | [H1-1.5-01]          | Sổ theo dõi chất lượng giáo dục                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Giáo viên                                                   | Phó hiệu trưởng                                             |
|                     | 3            | [H1-1.5-02]          | Danh sách học sinh các lớp từng năm học                              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên văn thư                                           | Hiệu trưởng                                                 |
|                     | 4            | [H1-1.5-03]          | Sổ chủ nhiệm giáo viên                                               | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022                                               | Giáo viên                                                   | Hiệu trưởng                                                 |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                  | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>    |
|---------------------|--------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------|
|                     |              |                      |                                                                        | Năm học 2022-2023                                                                    |                                                  |                   |
| <b>Tiêu chí 1.6</b> | 1            | [H1-1.6-01]          | Sổ đăng bộ                                                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng   |
|                     | 2            | [H1-1.6-02]          | Học bạ                                                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Giáo viên                                        | Phó hiệu trưởng   |
|                     | 3            | [H1-1.6-03]          | Sổ nghị quyết họp Hội đồng giáo dục nhà trường                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng       |
|                     | 4            | [H1-1.6-04]          | Chương trình PMIS, trang web của nhà trường                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng, nhân viên văn thư               | Nhân viên văn thư |
|                     | 5            | [H1-1.6-05]          | Sổ thi đua, khen thưởng                                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng       |
|                     | 6            | [H1-1.6-06]          | Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên kế toán                                | Nhân viên kế toán |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                           | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>     |
|-----------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|
|                 | 7            | [H1-1.6-07]          | Số công văn đến                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên văn thư                                | Nhân viên văn thư  |
|                 | 8            | [H1-1.6-08]          | Sổ công văn đi                                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên văn thư                                | Nhân viên văn thư  |
|                 | 9            | [H1-1.6-09]          | Biên bản kiểm tra tài chính                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phòng Tài chính huyện Hóc Môn                    | Nhân viên kế toán  |
|                 | 10           | [H1-1.6-10]          | Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng Ban chấp hành Công đoàn              | Hiệu trưởng        |
|                 | 11           | [H1-1.6-11]          | Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Ban Thanh tra nhân dân                           | Hiệu trưởng        |
|                 | 12           | [H1-1.6-12]          | Báo cáo hoạt động của Công đoàn trường          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Ban Chấp hành Công đoàn                          | Chủ tịch Công đoàn |
|                 | 13           | [H1-1.6-13]          | Quyết định về xác lập quyền sở hữu của nhà nước | Số 649/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2007                                              | Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh            | Hiệu trưởng        |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                     | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>             |
|---------------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|
|                     | 14           | [H1-1.6-14]          | Biên bản thanh lý tài sản                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Nhân viên kế toán          |
|                     | 15           | [H1-1.6-15]          | Trang thông tin điện tử trường            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng            |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 1            | [H1-1.7-01]          | Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng viên chức      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                |
|                     | 2            | [H1-1.7-02]          | Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên văn thư                                | Nhân viên văn thư, kế toán |
| <b>Tiêu chí 1.8</b> | 1            | [H1-1.8-01]          | Hồ sơ kiểm tra bộ phận                    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                |
|                     | 2            | [H1-1.8-02]          | Hồ sơ kiểm tra chuyên môn                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                |
|                     | 3            | [H1-1.8-03]          | Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                |

| <b>Tiêu chí</b>      | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                         | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>   | <b>Ghi chú</b>     |
|----------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|
|                      | 4            | [H1-1.8-04]          | Bằng khen của Thành phố Hồ Chí Minh thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm             | Năm học 2005-2006<br>Năm học 2006-2007                                               | Ủy ban Nhân dân Thành phố                          | Phòng Truyền thống |
|                      | 5            | [H1-1.8-05]          | Giấy chứng nhận danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc                                           | Năm học 2016-2017 đến<br>Năm học 2022-2023                                           | Ủy ban Nhân dân Thành phố                          | Phòng Truyền thống |
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 1            | [H1-1.10-01]         | Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ                                                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy huyện Hóc Môn | Hiệu trưởng        |
|                      | 2            | [H1-1.10-02]         | Kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                        | Nhân viên y tế     |
|                      | 3            | [H1-1.10-03]         | Kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                        | Nhân viên y tế     |
|                      | 4            | [H1-1.10-04]         | Kế hoạch phòng, chống mại dâm, ma túy                                                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                        | Nhân viên y tế     |
|                      | 5            | [H1-1.10-05]         | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự tại trường tiểu học                                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022                                               | Hiệu trưởng                                        | Nhân viên y tế     |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>               |
|---------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |              |                      |                                                                                         | Năm học 2022-2023                                                                    |                                                  |                              |
|                     | 6            | [H1-1.10-06]         | Quy chế phối hợp bảo đảm an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Bà Điểm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Công an xã Bà Điểm, Hiệu trưởng                  | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 2.1</b> | 1            | [H2-2.1-01]          | Hồ sơ của hiệu trưởng<br>Hồ sơ của phó hiệu trưởng                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Phó Hiệu trưởng, văn thư     |
|                     | 2            | [H2-2.1-02]          | Kết quả đánh giá, xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn          | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3            | [H2-2.1-03]          | Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân                                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Ủy ban Nhân dân huyện, Thành phố                 | Hiệu trưởng                  |
|                     | 4            | [H2-2.1-04]          | Bằng Trung cấp lý luận Chính trị của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                       | Năm 2004-2006<br>Năm 2006-2008                                                       | Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Hóc Môn      | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng |
|                     | 5            | [H2-2.1-05]          | Bằng Cử nhân Quản lý Giáo dục của phó hiệu trưởng 1                                     | Năm 2016                                                                             | Trường Đại học Sài Gòn                           | phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                         | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>                     |
|---------------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 2.2</b> | 1            | [H2-2.2-01]          | Văn bằng, chứng chỉ của giáo viên                                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo              | Phó hiệu trưởng, Nhân viên văn thư |
|                     | 2            | [H2-2.2-02]          | Bảng tổng hợp trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng, nhân viên văn thư |
|                     | 3            | [H2-2.2-03]          | Hồ sơ đánh giá Chuẩn giáo viên                                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                        |
| <b>Tiêu chí 2.3</b> | 1            | [H2-2.3-01]          | Quyết định điều động viên chức làm công tác kế toán của Ủy ban Nhân dân huyện | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn                    | Nhân viên kế toán                  |
|                     | 2            | [H2-2.3-02]          | Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên                                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo              | Nhân viên văn thư                  |
|                     | 3            | [H2-2.3-03]          | Hồ sơ đánh giá viên chức                                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                        |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|---------------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
| <b>Tiêu chí 2.4</b> | 1            | [H2-2.4-01]          | Thống kê phẩm chất, năng lực học sinh                                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng |
| <b>Tiêu chí 3.1</b> | 1            | [H3-3.1-01]          | Bản đồ hiện trạng xây dựng.                                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn<br>Thực tế         | Thực tế         |
|                     | 2            | [H3-3.1-02]          | Hình ảnh tổng thể cổng trường, sân trường, sảnh trường                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Thực tế                                          | Thực tế         |
|                     | 3            | [H3-3.1-03]          | Hình ảnh tổng thể phòng học, phòng hành chính và các khu của nhà trường | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Thực tế                                          | Thực tế         |
| <b>Tiêu chí 3.2</b> | 1            | [H3-3.2-01]          | Hình ảnh thực tế phòng học và các phòng chức năng                       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Thực tế                                          | Thực tế         |
| <b>Tiêu chí 3.4</b> | 1            | [H3-3.4-01]          | Hình ảnh các khu vực nhà vệ sinh của nhà trường                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Thực tế                                          | Thực tế         |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>     |
|---------------------|--------------|----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|
|                     | 2            | [H3-3.4-02]          | Hệ thống nước sạch, giấy xét nghiệm nước             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Trung tâm y tế<br>Dự phòng<br>Thành phố          | Nhân viên y tế     |
|                     | 3            | [H3-3.4-03]          | Hợp đồng thu gom rác thải, rác y tế                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Công ty Dịch vụ<br>Công ích Thành phố            | Nhân viên y tế     |
| <b>Tiêu chí 3.5</b> | 1            | [H3-3.5-01]          | Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên kế toán                                | Nhân viên kế toán  |
|                     | 2            | [H3-3.5-02]          | Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thiết bị                               | Nhân viên thiết bị |
|                     | 3            | [H3-3.5-03]          | Biên bản kiểm kê thiết bị                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thiết bị                               | Nhân viên thiết bị |
|                     | 4            | [H3-3.5-04]          | Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thiết bị                               | Nhân viên thiết bị |
|                     | 5            | [H3-3.5-05]          | Kế hoạch hoạt động thiết bị                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thiết bị                               | Nhân viên thiết bị |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                          | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>     |
|---------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Tiêu chí 3.6</b> | 1            | [H3-3.6-01]          | Danh mục các loại sách, báo, tài liệu                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thư viện                               | Nhân viên thư viện |
|                     | 2            | [H3-3.6-02]          | Sổ theo dõi việc cho mượn sách                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thư viện                               | Nhân viên thư viện |
|                     | 3            | [H3-3.6-03]          | Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện hằng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thư viện                               | Nhân viên thư viện |
|                     | 4            | [H3-3.6-04]          | Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Nhân viên thư viện                               | Nhân viên thư viện |
| <b>Tiêu chí 4.1</b> | 1            | [H4-4.1-01]          | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng        |
|                     | 2            | [H4-4.1-02]          | Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng        |
| <b>Tiêu chí 4.2</b> | 1            | [H4-4.2-01]          | Nghị quyết Chi bộ                                              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Bí thư chi bộ                                    | Bí thư chi bộ      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                             | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>                        |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|
|                     | 2            | [H4-4.2-02]          | Danh sách mạnh thường quân các lớp đóng góp quỹ Khuyến học                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hội khuyến học                                   | Phó Hiệu trưởng                       |
|                     | 3            | [H4-4.2-03]          | Danh sách học sinh nghèo nhận quà, học sinh đạt thành tích được khen thưởng                       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng-<br>Tổng phụ trách                   | Tổng phụ trách Đội                    |
| <b>Tiêu chí 5.1</b> | 1            | [H5-5.1-01]          | Kế hoạch hoạt động chuyên môn                                                                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng chuyên môn                       | Phó hiệu trưởng                       |
| <b>Tiêu chí 5.2</b> | 1            | [H5-5.2-01]          | Thời khóa biểu các lớp                                                                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng chuyên môn                       | Phó hiệu trưởng                       |
|                     | 2            | [H5-5.2-02]          | Hệ thống quản lý giáo dục (cổng thông tin điện tử)                                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng chuyên môn                       | Phó hiệu trưởng                       |
|                     | 3            | [H5-5.2-03]          | Kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ của trường và tổ chuyên môn | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn                | Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>                          |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 5.3</b> | 1            | [H5-5.3-01]          | Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh                                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng chuyên môn                       | Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn |
|                     | 2            | [H5-5.3-02]          | Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống của giáo viên                                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Giáo viên                                        | Giáo viên                               |
|                     | 3            | [H5-5.3-03]          | Kế hoạch công tác chuyên môn                                                                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Phó hiệu trưởng                         |
|                     | 4            | [H5-5.3-04]          | Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng            |
|                     | 5            | [H5-5.3-05]          | Sổ dự giờ của giáo viên                                                                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Giáo viên                                        | Phó hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 5.4</b> | 1            | [H5-5.4-01]          | Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường (kế hoạch năm học, kế hoạch tháng) | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                             |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                                       | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
|                     | 2            | [H5-5.4-02]          | Hồ sơ tuyển sinh lớp 1                                                                                                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng     |
| <b>Tiêu chí 5.5</b> | 1            | [H5-5.5-01]          | Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh                                                                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng |
|                     | 2            | [H5-5.5-02]          | Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp-kiểm tra lại-ở lại lớp<br>Hồ sơ xét duyệt học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học. | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                          | Hiệu trưởng, tổ chuyên môn                       | Phó hiệu trưởng |